

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2021/HS-ST

Ngày: **31-5**-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc

Bà Bùi Thị Kim Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký

TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **25**/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1.Lương Thị T (My-Mi), sinh năm 2001 tại Bà Rịa-Vũng Tàu;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm Tóc; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn Tắc và bà Nguyễn Thị Nga;

Tiền án, tiền sự: 00;

Nhân thân: Ngày 15/11/2019 bị TAND huyện Đất Đỏ xử phạt 09 tháng tù về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 23/8/2020.

Bị cáo bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 31/12/2020. (**có mặt**)

2. Nguyễn Tấn T1 (La, Cu La), sinh năm 1995 tại Bà Rịa-Vũng Tàu;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Đi biển; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: **Nam**; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Bình và bà Trương Thị Mười.

Tiền án, tiền sự: 00;

Nhân thân: Ngày 10/02/2017 bị TAND huyện Đất Đỏ áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng. Chấp hành xong ngày 10/02/2018.

Bị cáo bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 31/12/2021. (**có mặt**)

3.**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (**vắng mặt**)

4.**Người bào chữa cho bị cáo Lương Thị T:** Luật sư Vũ Đức H, thuộc Văn Phòng Luật Sư Đức H-Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu(**có mặt**)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 01 giờ ngày 31/12/2020, tại phía ngoài hàng rào trước nhà của Lương Thị T, Công an huyện Đất Đỏ phối hợp cùng Công an xã Long Mỹ đã bắt quả tang Nguyễn Tấn T1 đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng của vụ án gồm:

01 gói nylon màu trắng (được hàn kín, bên trong chứa chất kết tinh không màu, trong suốt) được thu giữ trong vỏ bao gói thuốc Jet;

01 vỏ bao gói thuốc Jet;

01 điện thoại Samsung A21S màu xanh, số imei1: 35166261489204201, số imei2: 35246521489204301 và số tiền 200.000 đồng (thu giữ của bị cáo T1)

01 điện thoại Samsung A11 màu đen, số imei1: 35641811147706701, số imei2: 35641911147706501. (do bị cáo T giao nộp)

01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 72H1-338.35; ngày 02/3/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại xe cho chủ sở hữu.

Bị cáo Nguyễn Tấn T1 khai nhận: Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 31/12/2020, bị cáo dùng T1 khoản facebook có tên là “T1’s Nguyễn’s” gọi qua Messenger bằng điện thoại Samsung A21S màu xanh cho bị cáo T có tên là “Em My” để hỏi mua 200.000 đồng ma túy và được bị cáo T đồng ý bán; bị cáo T gửi tin nhắn thoại cho bị cáo với nội dung: Em bỏ bịch ma túy trong vỏ bao thuốc Jet để chỗ cổng nhà em, anh tới lấy ma túy xong thì bỏ tiền vào vỏ bao thuốc Jet để đại chỗ cũ cho em, lát em ra lượm. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, bị cáo nhờ Trần Ngọc Thương điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 72H1-338.35 (xe mượn của anh Nguyễn Duy T2) chở T1 đi đến nhà của bị cáo T để lấy ma túy nhưng không cho anh Thương biết; đến nơi bị cáo xuống xe đi đến vị trí bị cáo T đã chỉ dẫn trước lấy 01 gói ma túy ra cầm trên tay

và bỏ 200.000 đồng vào vỏ bao thuốc Jet để lại chỗ cũ thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ.

Bị cáo Lương Thị T khai nhận: Chiều ngày 30/12/2020 bị cáo bắt xe ôm đi đến gần trung tâm y tế huyện Long Điền gặp người đàn ông tên Lai (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua 200.000 đồng ma túy. Mua xong bị cáo mang ma túy về nhà lấy một ít ma túy ra sử dụng, phần còn lại hàn lại để sử dụng dần. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 31/12/2020, bị cáo T1 dùng tài khoản facebook có tên là “T1’s Nguyễn’s” gọi qua Messenger vào điện thoại Samsung A11 màu đen cho bị cáo có tên là “Em My” để hỏi mua 200.000 đồng ma túy và được bị cáo T đồng ý bán. Quá trình giao dịch đến khi bị cáo T1 bị bắt và nội dung tin nhắn toại mua bán ma túy như bị cáo T1 khai là đúng.

Tại bản kết luận giám định số 68/KLGD-PC09-MT ngày 07/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận: “Mẫu chất kết tinh không màu-trong suốt chứa trong 01 gói nylon hàn kín, được niêm phong trong một phong bì màu vàng, có hình dấu của Công an xã Long Mỹ, Công an huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và 02 hình dấu vân tay màu đỏ ghi “Trở trái, trở phải-Nguyễn Tấn T1”, cùng các chữ ký ghi họ tên: Đại úy Trần Văn Mến, Đặng Văn T1, Lương Thị T, Phạm Văn Lâm, Phạm Văn Tùng, gửi đến giám định có khối lượng 0,2349 gam, là ma túy, loại Methamphetamine”.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 31/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã truy tố **Lương Thị T** về tội “*mua bán trái phép chất ma túy*”, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố **Nguyễn Tấn T1** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Đất Đỏ sau khi luận tội vẫn giữ nguyên tội danh đã truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 BLHS, xử phạt bị cáo **Lương Thị T** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 BLHS, xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn T1** từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 và 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao gói thuốc Jet;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Samsung A21S màu xanh, số imei1: 35166261489204201, số imei2: 35246521489204301 số tiền 200.000 đồng (thu giữ của bị cáo T1); 01 điện thoại Samsung A11 màu đen, số Imei1: 35641811147706701, số Imei2: 35641911147706501 (thu giữ của bị cáo T).

-Luật sư bào chữa cho bị cáo T nêu luận cứ: Về tội danh, nhân thân và xử lý vật chứng Luật sư đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên. Về hình phạt đối với bị cáo T Luật sư cho rằng cao, bởi bị cáo T phạm tội lần đầu, bột phát, không có chủ đích mua bán, cha mẹ bị cáo T đã ly hôn nên bị cáo không được chăm sóc và giáo dục đầy đủ như người khác; đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo T hưởng mức án 02 (hai) năm tù.

-**Các** bị cáo không có khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định trong quá trình điều tra, truy tố, khởi tố, xét xử; khi nói lời sau cùng các bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho **các** bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào những chứng cứ, T1 liệu đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có thắc mắc, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; căn cứ các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội mua bán và tàng trữ trái phép 0,2349 gam chất ma túy, loại Methamphetamine của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 31/3/2021 của VKSND huyện Đất Đỏ; trong đó bị cáo T tàng trữ trái phép 0,2349 gam chất ma túy để bán cho bị cáo T1 và bị cáo T1 tàng trữ trái phép 0,2349 gam chất ma túy mua của bị cáo T để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước; mặt khác việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy có thể làm cho thần kinh người sử dụng bị tổn hại dẫn đến rối loạn hành

vi, hủy hoại sức khỏe, giảm sút khả năng lao động; là nguy cơ phát sinh một số dịch bệnh nguy hiểm trong cộng đồng và là nguyên nhân dẫn đến nhiều hình vi phạm pháp luật khác. HĐXX xét thấy có đủ căn cứ pháp lý xác định: Hành vi của bị cáo **Lương Thị T** đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và hành vi của bị cáo **Nguyễn Tấn T1** đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo: Năm 2019 bị cáo T đã bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, năm 2017 bị cáo T1 bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do sử dụng trái phép chất ma túy; các bị cáo đã được giáo dục và nhận thức được tác hại của ma túy, sự nghiêm khắc của pháp luật, nhưng để thỏa mãn ham muốn cá nhân các bị cáo đã lén lút mua đi bán lại trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi và sử dụng cho bản thân.

Các bị cáo biết tác hại của ma túy nhưng vẫn mua bán, tàng trữ để sử dụng thể hiện sự coi thường bản thân, thiếu trách nhiệm với gia đình và cộng đồng; các bị cáo biết pháp luật cấm và trừng phạt nghiêm khắc nhưng vẫn mua bán, tàng trữ để sử dụng thể hiện coi thường pháp luật, thách thức cơ quan quản lý. Vì vậy cần có hình phạt tù có thời hạn tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo được giáo dục, học tập và phấn đấu để trở thành người tốt hơn, biết tôn trọng pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân xấu: Sau thời gian chấp hành án và cai nghiện bắt buộc do tàng trữ và sử dụng trái phép ma túy, các bị cáo không lấy đó làm bài học để chí thú lao động, hoàn thiện bản thân mà tiếp tục phạm tội mới. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc đến nhân thân và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo T1 học vắn 0/12 nên ít nhiều bị hạn chế về nhận thức, bị cáo T tuy có học vắn 9/12 nhưng cha mẹ đã sớm ly hôn, bị cáo ở với ngoại nên ít nhiều bị thiếu hụt về tình cảm và giáo dục. HĐXX căn cứ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với số ma túy còn lại sau giám định, gồm: 01 phong bì màu vàng số 68 ngày 07/01/2021, bên trong chứa 0,2155 gam ma túy (loại

Methamphetamine), là khối lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên: Võ Thanh Hoài; Thượng tá Nguyễn Đức Thọ - P.Trưởng phòng KTHS, Công an tỉnh BR-VT có đóng dấu giáp lai; có chữ ký: Đại úy Trần Văn Mến, Phạm Văn Tùng, Nguyễn Hoài Hiếu, Lương Thị T, dấu vân tay Nguyễn Tấn T1 và 01 vỏ bao gói thuốc Jet;

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; đồng thời vỏ bao thuốc Jet không còn giá trị sử dụng nên HĐXX quyết định tịch thu tiêu hủy.

[5.2] Đối với: 01 điện thoại Samsung A21S màu xanh, số imei1: 35166261489204201, số imei2: 35246521489204301 (thu giữ của bị cáo T1); (BL118-119); và 01 điện thoại Samsung A11 màu đen, số Imei1: 35641811147706701, số Imei2: 35641911147706501 (thu giữ của bị cáo T) là phương tiện các bị cáo sử dụng mở ứng dụng facebook liên lạc mua bán ma túy với nhau và số tiền 200.000 đồng là vật ngang giá để các bị cáo mua bán ma túy với nhau; HĐXX căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào **ngân sách** nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác:

[6.1] Đối với đối tượng tên Lai là người bán ma túy cho bị cáo T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã xác minh nhưng không rõ nhân thân, lý lịch và tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

[6.2] Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 72H1-338.35. Qua xác minh đây là T1 sản hợp pháp của anh Nguyễn Duy T2, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C. Ngày 31/12/2020, anh T2 cho anh Thương mượn xe về nhà nên bị cáo T1 nhờ anh Thương chở đến nhà bị cáo T lấy đồ mà không cho anh Thương biết mục đích đi mua ma túy, ngày 02/3/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đất Đỏ đã trả lại xe cho anh T2 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS. Anh T2 được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư: Xét thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định khoản 1 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; do vậy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với phân tích của HĐXX nên chấp nhận. Tuy nhiên như đã phân tích ở mục [4.2] cần xử phạt bị cáo T mức thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên nhưng cáo hơn mức mà Luật sư đề nghị.

[8] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] *Về kháng cáo, kháng nghị*: Bị cáo và VKSND được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTHS.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào: Các Điều 268, 269, 298, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lương Thị T (My, Mi)** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo **Nguyễn Tấn T1 (La, Cu La)** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lương Thị T (My, Mi)** 26 (hai mươi sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2020.

2.2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn T1 (La, Cu La)** 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, gồm: 01 phong bì màu vàng số 68 ngày 07/01/2021, bên trong chứa 0,2155 gam ma túy (loại Methamphetamine), là khối lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên: Võ Thanh Hoài; Thượng tá Nguyễn Đức Thọ - P.Trưởng phòng KTHS, Công an tỉnh BR-VT có đóng dấu giáp lai; có chữ ký: Đại úy Trần Văn Mến, Phạm Văn Tùng, Nguyễn Hoài Hiếu, Lương Thị T, dấu vân tay Nguyễn Tấn T1;

3.2. Tịch thu tiêu hủy các vật dụng, gồm: 01 vỏ bao gói thuốc Jet;

3.3. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:

-01 điện thoại Samsung A21S màu xanh, số imei1: 35166261489204201, số imei2: 35246521489204301;

-01 điện thoại Samsung A11 màu đen, số Imei1: 35641811147706701, số Imei2: 35641911147706501;

-Số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

(Hiện tất cả vật chứng nêu trên được Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 38/BB và Biên lai thu tiền số TT/2016/0000839 cùng ngày 31/3/2020)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo: **Lương Thị T và Nguyễn Tấn T1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ các Điều: 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo và VKSND cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 31/5/2021**). Đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đất Đỏ;
- VKSND tỉnh BRVT;
- CA huyện Đất Đỏ;
- TAND tỉnh BRVT;
- Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BRVT ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã Long Mỹ, H.Đất Đỏ;
- UBND xã Lộc An, H.Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt

